TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 57/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 14-6-2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Mộng Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Văn Nô;

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Thùy Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên tham gia phiên tòa*:** Bà Bồ Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Tân Uyên xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 203/2018/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2018 về ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 100/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2018, giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thu Ng, sinh năm 1982; địa chỉ thường trú: Tổ 6, khu phố KL, phường TPK, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; có mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Đ; sinh năm 1987; địa chỉ thường trú: Tổ 6, khu phố KL, phường TPK, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02 tháng 3 năm 2018, đơn khởi kiện bổ sung ngày 15/3/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thu Ng trình bày:

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thu Ng và ông Nguyễn Văn Đ chung sống với nhau vào năm 2009 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn (nay là phường) TPK, huyện (nay là thị xã) Tân Uyên, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 97 quyển số 02/2008-2009 ngày 22/9/2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2010 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông Đ rượu chè, không có trách nhiệm với gia

đình, bà Ng đã khuyên răn ông Đ nhiều lần nhưng ông Đ không thay đổi. Bà Ng nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Nguyên yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn Đ.

Về con chung: Bà Ng và ông Đ có 02 con chung tên Nguyễn Thanh D, sinh ngày 07/01/2010 và Nguyễn Quốc A, sinh ngày 29/11/2012. Khi ly hôn, bà Ng yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 05/6/2018 ông Nguyễn Văn Đ trình bày: Ông Đ thống nhất theo phần trình bày của nguyên đơn về thời gian chung sống, kết hôn. Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do không hợp tính. Trước yêu cầu ly hôn của bà Ng, ông Đ đồng ý ly hôn. Về con chung, thống nhất theo phần trình bày của bà Ng, vợ chồng có 02 con chung Nguyễn Thanh D, sinh ngày 07/01/2010 và Nguyễn Quốc A, sinh ngày 29/11/2012, khi ly hôn, ông Đ yêu cầu nuôi một con chung. Về tài sản chung, quá trình chung sống được ba mẹ cho đất và được gia đình hai bên cho thêm tiền để xây dựng nhà, ông Đ yêu cầu được chia đôi tài sản. Ông Đ có đơn xin xét xử vắng mặt.

Theo kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân phường Tân Phước Khánh, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương về mâu thuẫn vợ chồng của bà Ng và ông Đ thì chính quyền địa phương không rõ.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:

Về tố tụng: Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng các đương sự đã thực hiện đúng quy định. Đại diện viện Kiểm sát không có yêu cầu và kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng.

Về nội dung: Bà Nguyễn Thu Ng và ông Nguyễn Văn Đ chung sống với nhau vào năm 2009 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn (nay là phường) Tân Phước Khánh, huyện (nay là thị xã) Tân Uyên, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận kết hôn số 97 quyển số 02/2008-2009 ngày 22/9/2009, là hôn nhân hợp pháp. Bà Ng nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Nguyên yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn Đ, ông Đ thừa nhận vợ chồng có những mâu thuẫn. Do vậy, có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa bà Ng và ông Đ trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà Ng là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Về con chung, hiện tại con chung đang sống cùng bà Ng, con chung Nguyễn Thanh D có nguyện vọng sống cùng bà Ng nên yêu cầu nuôi

con chung của bà Ng là có căn cứ. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bị đơn ông Nguyễn Văn Đ có đơn xin xét xử vắng nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Đối với yêu cầu chia tài sản chung của ông Đ: Theo bản tự khai ngày 05/6/2018, ông Đ yêu cầu giải quyết chia đôi tài sản chung. Xét thấy, trước khi Toà án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, ông Đ không có văn bản trình bày ý kiến gửi Tòa án, sau khi Toà án có Quyết định đưa vụ án ra xét xử thì ông Đ mới có bản tự khai gửi Tòa án và có yêu cầu giải quyết tài sản chung. Căn cứ vào khoản 3 Điều 200 và Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không xem xét yêu cầu của ông Đ về phân chia tài sản chung, ông Đ có quyền khởi kiện tranh chấp về chia tài sản chung với bà Ng bằng vụ án khác.

[2] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thu Ng và ông Nguyễn Văn Đ chung sống với nhau vào năm 2009 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn (nay là phường) Tân Phước Khánh, huyện (nay là thị xã) Tân Uyên, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 97 quyển số 02/2008-2009 ngày 22/9/2009, là hôn nhân hợp pháp. Bà Ng và ông Đ thống nhất vợ chồng có những mâu thuẫn và đều đồng ý ly hôn, đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do vậy, có căn cứ xác định tình trạng hôn nhân của bà Ng và ông Đ mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên việc bà Ng yêu cầu ly hôn với ông Đ là có căn cứ theo quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Bà Ng yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung tên Nguyễn Thanh D, sinh ngày 07/11/2010 và Nguyễn Quốc A, sinh ngày 29/11/2012. Ông Đ cũng yêu cầu được nuôi dưỡng một con chung. Xét thấy, ông Đ có yêu cầu được nuôi dưỡng một con chung nhưng không đến Tòa án và bản tự khai cũng không thể hiện rõ nguyện vọng được nuôi cháu nào nên Hội đồng xét xử không có căn cứ xem xét yêu cầu nuôi con chung của ông Đ. Đối với yêu cầu nuôi con chung của bà Nguyên, bà Ng xác định hai con chung hiện đang sống với bà Ng, bà Ng đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc các con chung đảm bảo phát triển về mọi mặt. Đồng thời, con chung là Nguyễn Thanh D có nguyên vọng được sống với bà Ng. Do vậy, yêu cầu nuôi con chung của bà Ng là có căn cứ chấp nhận theo quy định Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Ng không yêu cầu ông Định cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận ý chí tự nguyện của bà Nguyên.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thu Ng phải chịu theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điều 35, điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 269, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng:

- Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thu Ng được ly hôn với ông Nguyễn Văn Đ.

2. Về con chung: Giao hai con chung tên Nguyễn Thanh D, sinh ngày 07/11/2010 và Nguyễn Quốc A, sinh ngày 29/11/2012 cho bà Nguyễn Thu Ng trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Ng về việc không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Nguyễn Thu Ng và ông Nguyễn Văn Đ đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thu Ng phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0013939 ngày 09/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thị xã Tân Uyên (01);
- Chi cục THADS thị xã Tân Uyên (01);
- UBND phường Tân Phước Khánh, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (01);
- Các đương sự (02);
- Lưu VT, HS (02).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Thị Mộng Tuyết